

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2025/DS-ST
Ngày: 21-4-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Tuyền**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Bé**.

2. Ông **Trần Văn Bé Ba**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T: Ông **Ngô Thành Khánh Duy**, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 439/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 71/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Đ**, sinh năm 1969; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh T;

- Bị đơn: Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1956; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh T;

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh **Nguyễn Công Q**, sinh năm 1981; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh T;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Đ trình bày:

Ngày 25/6/2023 âm lịch tức ngày 11/8/2023 dương lịch bà N và anh Q (Tèo) có hỏi mượn bà 100.000.000 đồng, khi mượn bà N nói mượn trị bệnh cho chồng. Bà N có viết biên nhận mượn, lúc đưa tiền thì chỉ có bà N, tôi đưa trực tiếp bà N. Bà N nói Quân đi làm nên nói đưa ký rồi đưa biên nhận lại bà sau. Sau đó bà N đưa lại biên nhận và có chữ ký anh Quân, anh Q không ký trực tiếp trước mặt bà. Do tin tưởng nên bà không có gặp anh Q hỏi. Giữa bà và gia đình bà N là bà con.

Ngày 20/7/2023, bà N còn nợ tiền chơi hụi với số tiền 28.800.000 đồng. có biên nhận kèm theo.

Tổng cộng hai khoản nợ là 128.800.000 đồng, bà N và anh Q nợ 100.000.000 đồng và bà N nợ tiền hụi 28.800.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải tại ấp thì bà N cũng thừa nhận. Hiện bà N đã chuyển hết tài sản cho Q nên bà yêu cầu anh Q liên đới trả số tiền mượn 100.000.000 đồng, còn bà N trả tiền hụi 28.800.000 đồng.

Do tin tưởng bà N nên bà N nói anh Q đã ký biên nhận rồi, qua bà N năn nỉ nên bà mới cho mượn, thực tế anh Q không ký trước mặt bà. Bà không yêu cầu giám định chữ ký chữ viết của anh Quân. Nhưng bà N khi mượn nói chồng trị bệnh cũng là của gia đình, anh Q cũng sống chung với bà N nên bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh Q liên đới với bà N trả nợ cho bà số tiền mượn 100.000.000 đồng. Không yêu cầu trả một lần chỉ cần anh Q có thiện chí trả từ từ thì bà cũng đồng ý.

** Bị đơn bà Trần Thị N đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt dù đã được triệu tập lần thứ hai.*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Công Q trình bày:*

Anh tên thường gọi là Tèo. Anh là con ruột của bà N. Anh không biết khoản nợ mà bà Đ yêu cầu, biên nhận cũng không phải chữ ký chữ viết của anh. Anh chỉ biết khoản nợ này lúc hòa giải của ấp. Lúc đó mẹ anh thừa nhận nên anh mới biết và mẹ anh cũng đồng ý trả khoản nợ nhưng xin trả dần, bà Đ không đồng ý cho mẹ trả dần mà yêu cầu trả một lần. Giờ anh không đồng ý liên đới với mẹ anh trả nợ vì giờ vợ chồng anh cũng khó khăn. Sau này có tiền thì anh phụ mẹ anh trả thôi. Anh cũng không sử dụng số tiền mà mẹ anh mượn. Hiện mẹ anh đi lại khó khăn nên không đến dự phiên tòa được.

Anh không đồng ý liên đới mẹ anh trả số tiền nợ cho bà Đ vì anh không hề biết số tiền này, không nhận tiền cũng không sử dụng số tiền mà mẹ anh mượn và anh không có ký tên trong biên nhận. Vì tình nghĩa chòm xóm sau này có điều kiện kinh tế thì anh sẽ trả 5-10 triệu chứ anh không lãnh số tiền mà mẹ anh đã mượn.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn bà Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: đòi với tiền nợ 100.000.000 đồng thì bà yêu cầu bà N và anh Q liên đới trả, còn tiền 28.800.000 đồng thì yêu cầu bà N trả.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Q không đồng ý liên đới trả số tiền nợ vì không ký tên biên nhận cũng không sử dụng số tiền này.

- Bị đơn bà N vắng mặt nên không thỏa thuận về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận xét: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên đới trả khoản nợ đã vay theo biên nhận đã ký kết với số tiền 100.000.000 đồng là có cơ sở một phần về số tiền nợ vì có biên nhận bà N ký tên và biên bản hòa giải tại ấp bà N cũng thừa nhận và đồng ý trả, về nghĩa vụ liên đới thì anh Q không thừa nhận ký tên, bà N cũng thừa nhận bà tự ký, nguyên đơn cũng không khẳng định có phải của anh Q không, do đó không có cơ sở buộc anh Q liên đới, về số tiền hui thì bà N cũng thừa nhận và đồng ý trả theo biên bản hòa giải tại địa phương. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xem như không phản đối theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà N trả 100.000.000 đồng tiền vay và 28.800.000 đồng tiền hui cho nguyên đơn. Các đương sự có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ khởi kiện bà Trần Thị N liên đới anh Nguyễn Công Q trả tiền nợ và hui, bị đơn có địa chỉ tại ấp Đ , xã Đ , huyện C , tỉnh T nên xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui” tại Điều 463, 471 Bộ luật dân sự và thuộc trường hợp được qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C , tỉnh T.

[2] Về tố tụng:

- Tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị N vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nên Tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt bà N theo Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của bà Được, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về số tiền nợ vay: Quá trình giải quyết vụ án, bà Đ có cung cấp biên nhận ngày 25/6/2023 âm lịch thể hiện bà Trần Thị N mượn tiền bà Đ 100.000.000 đồng, biên nhận có bà N ký tên (bl 41). Đồng thời biên bản hòa giải tại địa phương ngày 23/7/2024 thì bà N cũng thừa nhận có số tiền này và bà N đồng ý trả. Quá trình giải quyết vụ án, bà N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà N không có văn bản trình bày ý kiến nên xem như bà N không phản đối tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp theo Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xác định bà N có vay tiền của bà Đ 100.000.000 đồng chưa thanh toán nên bà Đ khởi kiện yêu cầu trả là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về nghĩa vụ liên đới: Theo biên nhận ngày 25/6/2023 âm lịch, anh Q là con của bà N có ký tên trong biên nhận. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Q không thừa nhận chữ ký đó của anh, anh cũng không nhận tiền và biết số tiền mà mẹ anh vay. Tại biên bản hòa giải tại địa phương bà N thừa nhận là bà tự ký tên của con bà. Ngoài ra, bà Đ cũng xác định là khi đưa biên nhận thì đã có chữ ký chữ viết tên của Quân và ký “Tèo”, bà không biết phải của anh Q không, bà không yêu cầu giám định, khi đưa tiền bà Đ trực tiếp đưa tiền cho bà N, không có mặt anh Quân. Khi vay, bà N vay để trị bệnh cho chồng. Anh Q không thừa nhận và không biết về khoản vay của bà N. Tại biên bản ghi lời khai của anh Q của công an huyện C chỉ thể hiện “*Tôi có hứa là sẽ làm ăn có tiền rồi trả từ từ cho bà Đ chứ tôi không có hứa thời gian cụ thể do điều kiện kinh tế của tôi còn nhiều khó khăn*” (bút lục 29), điều này không phải cam kết của anh Q thay bà N trả nợ, tại phiên tòa anh Q không đồng ý trả nợ thay. Bà Đ không có tài liệu chứng cứ chứng minh anh Q mượn hay sử dụng chung số tiền vay. Từ đó, Hội đồng xét xử xem xét thấy rằng không cơ sở chấp nhận ý kiến của bà Đ về việc buộc anh Q liên đới trả nợ cùng bà N.

[3.3] Về tiền hui: Bà Đ yêu cầu bà N trả tiền hui còn nợ là 28.800.000 đồng, giữa các bên không có xác lập biên nhận nợ hui hay các giấy tờ hui theo quy định nhưng tại biên bản hòa giải ngày 23/7/2024, bà N thừa nhận số tiền nợ hui này và đồng ý trả. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Đ về số tiền hui.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Bà Đ không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần của bà Được, buộc bà N trả bà Đ 100.000.000 đồng tiền vay và 28.800.000 tiền hụi. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đ về việc buộc anh Q liên đới bà N trả nợ vay.

[5] Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, khoản 1, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 245, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 280, Điều 357, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật dân sự; Mục 1 Phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ tư pháp-Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ .

Buộc bà Trần Thị N trả cho bà Trần Thị Đ số tiền nợ vay và hụi là 128.800.000 đồng (trong đó nợ vay 100.000.000 đồng và hụi 28.800.000 đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đ về việc buộc anh Nguyễn Công Q liên đới bà Trần Thị N trả nợ.

3. Về án phí:

- Bà N phải chịu 6.440.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về yêu cầu không được chấp nhận, trừ vào số tiền 3.220.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0007988 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C , tỉnh T, nên được hoàn lại 2.920.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

- Bà Được, anh Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện C ;
- Chi cục THADS huyện C ;
- Các đương sự.
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Tuyên